

Hải Dương, ngày 31 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế đào tạo cao đẳng liên thông hình thức vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-BYT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế đào tạo cao đẳng liên thông hình thức vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực áp dụng kể từ ngày ký ban hành;
Các quy định trước đây trái với nội dung của Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Các ông bà Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, Tổ chức cán bộ, Hành chính quản trị, Công tác quản lý SV, Tài chính - Kế toán, Vật tư - Trang thiết bị, Quản lý KHCN & HTQT, Công nghệ thông tin, các khoa, bộ môn và sinh viên toàn trường căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

TS.Đinh Thị Diệu Hằng

QUY CHẾ

**Đào tạo cao đẳng liên thông hình thức vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ
Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 675/QĐ- ĐHKTYTHD ngày 31 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo liên thông vừa làm vừa học (VLVH) trình độ cao đẳng theo hệ thống tín chỉ Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, bao gồm: chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên liên thông hệ vừa làm vừa học (VLVH) ở trình độ cao đẳng thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập.

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập bảo đảm liên thông giữa các trình độ và chương trình giáo dục khác; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Chương trình đào tạo liên thông hình thức VLVH trình độ cao đẳng theo hệ thống tín chỉ được các khoa, bộ môn của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương xây dựng trên cơ sở so sánh chương trình của hệ chính quy giữa các trình độ, theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo khác. Nội dung chương trình đào tạo liên thông VLVH trình độ cao đẳng đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng mà người học còn thiếu và cập nhật kiến thức, kỹ năng mới của ngành, nghề tương ứng với trình độ đào tạo của chương trình chính quy cùng trình độ cao đẳng.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình,

tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ký ban hành các chương trình để triển khai thực hiện trong trường, với khối lượng của các chương trình tùy theo từng ngành đào tạo.

5. Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương sẽ quyết định những học phần sinh viên không phải học lại trong trường hợp người học đã tốt nghiệp đại học/cao đẳng hoặc đã học các chương trình đào tạo khác có kết quả học phần đã tích lũy, có cùng nội dung và thời lượng. Để được bảo lưu kết quả học phần, người học phải nộp cho phòng Quản lý đào tạo bằng, bảng điểm đã học (*có công chứng*) cho phòng QLĐT. Phòng QLĐT cùng với Khoa/BM có học phần người học xin bảo lưu xác nhận kết quả, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần gắn với một mức trình độ theo năm học được thiết kế và kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 giờ thực tập tại cơ sở; 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc khoá luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, ngoài số tiết học trên lớp sinh viên còn cần được giao thêm các công việc cá nhân để đảm bảo mỗi tín chỉ phải tương ứng với ít nhất 45 tiết hoặc giờ làm việc.

4. Trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp, Trường khoa, Trường Bộ môn đề nghị số tiết, số giờ đối với từng học phần cụ thể, Hiệu trưởng quyết định số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần, được thể hiện trong Đề cương chi tiết học phần.

5. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy hàng ngày của trường được thực hiện theo 3 ca (sáng – chiều – tối), từ thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần, thời gian cụ thể được quy định theo mùa (hạn chế giảng dạy ca tối). Thời gian giảng dạy lâm sàng, thực tập tại cơ sở y tế tính theo thời gian hoạt động của các bệnh viện, cơ sở y tế.

Phòng Quản lý đào tạo (QLĐT) phối hợp với các Khoa/ Bộ môn sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho toàn trường căn cứ vào số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Trường. Thời khóa biểu của từng lớp được xây dựng theo học kỳ và được ghi trong Sổ tay sinh viên, thông báo trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Điều 5. Hệ thống cố vấn học tập

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hệ thống cố vấn học tập của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương để đảm bảo công tác quản lý và tư vấn cho tất cả sinh viên trong trường.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương tổ chức đào tạo theo khóa học. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Thời gian để hoàn thành một chương trình đào tạo liên thông VLVH từ trình độ Trung cấp lên Cao đẳng theo đúng kế hoạch để người học tích lũy đủ số lượng tín chỉ cho từng chương trình đào tạo: 2,0 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình đào tạo liên thông VLVH từ trình độ Trung cấp lên Cao đẳng không được vượt quá 2,0 lần (4,0 năm) so với thời gian thiết kế cho chương trình đó:

- Quá thời gian tối đa của khóa học, sinh viên sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

- Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ vừa làm vừa học sẽ không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình. Tuy nhiên, trường hợp sinh viên đã vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo quy định tại khoản 3, Điều này, sinh viên phải đăng ký học tiếp hoặc gia hạn thời gian hoàn thành chương trình theo từng học kỳ, nếu không Nhà trường sẽ ra quyết định buộc thôi học.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh cao đẳng hệ liên thông hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải

được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và do Phòng Công tác Quản lý sinh viên (CTQLSV) quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng QLĐT phối hợp với Phòng CTQLSV trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và được cấp:

- a) Thẻ sinh viên;
- b) Phiếu đăng ký học tập;
- c) Phiếu nhận cổ vấn học tập.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh cao đẳng hệ liên thông VLVH hiện hành.

4. Sinh viên nhập học phải được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Đối với những thí sinh trúng tuyển được trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký.

2. Căn cứ vào số học phần bắt buộc có trong mỗi chương trình, Phòng QLĐT phối hợp với Phòng CTQLSV sắp xếp sinh viên trúng tuyển vào các lớp học ổn định, cổ vấn học tập tư vấn, hướng dẫn cho sinh viên đăng ký học tập tại các lớp độc lập.

Điều 9. Tổ chức lớp học

Lớp học của sinh viên được tổ chức dưới hai hình thức:

- Lớp học ổn định được tổ chức theo tiến trình đào tạo ở mỗi học kỳ
- Lớp học độc lập được tổ chức cho từng học phần dựa vào đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học được quy định như sau: 30 sinh viên đối với các học phần giáo dục đại cương (các môn học chung và cơ sở khối ngành), học phần cơ sở ngành, ngành, bổ trợ, học phần tin học và học phần tiếng anh; 15 sinh viên đối với học phần thực hành và học phần chuyên ngành. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên có thể đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ. Trong trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng sẽ quyết định.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, trường phải thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ

dạy, đề cương chi tiết học phần, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ ít nhất 2 tuần, Nhà trường công bố Sổ tay sinh viên, trong đó quy định thời khóa biểu của các lớp ổn định và các lớp độc lập theo từng học phần riêng biệt. Tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên VLVH phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với Phòng QLĐT qua cổng thông tin điện tử của Trường. Sinh viên vừa làm vừa học có thể đăng ký các học phần theo lịch học trong Sổ tay sinh viên của hệ chính quy (*nếu thấy phù hợp*). Trừ trường hợp đặc biệt được Hiệu trưởng cho phép, sinh viên bắt buộc phải tham dự đầy đủ các học phần ở lớp học ổn định của mình.

3. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên VLVH phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

4. Phòng QLĐT của trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên VLVH ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong phiếu đăng ký học tập. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do Phòng QLĐT của trường lưu giữ.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, nhưng không muộn quá 4 tuần. Ngoài thời hạn quy định trên, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi Phòng QLĐT;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận;

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 11 của Quy chế này.

3. Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách học phần nhận được giấy báo của Phòng QLĐT.

Điều 12. Đánh giá học phần

1. Đánh giá học phần lý thuyết, học phần có cả lý thuyết và thực hành

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây được gọi là điểm học phần) là tổng hợp các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi giữa học phần (nếu có) và điểm thi kết thúc học phần.

- Điểm chuyên cần: Trọng số 5,0%

- Điểm thường xuyên và điểm thi giữa học phần chiếm 25%

- Điểm thi kết thúc học phần chiếm 70%

Đối với học phần lý thuyết, học phần có 1 – 2 tín chỉ: có 1 điểm thường xuyên, học phần có từ 3 – 5 tín chỉ: 1 điểm thường xuyên và 1 điểm thi giữa học phần

Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành: số điểm thường xuyên và số điểm giữa học phần căn cứ vào số tín chỉ của từng phần; ít nhất 01 điểm thường xuyên lý thuyết và 01 điểm thường xuyên thực hành.

Đối với học phần chỉ có thực hành: Số điểm thường xuyên và số điểm giữa học phần căn cứ vào số tín chỉ của học phần; ít nhất 01 điểm thường xuyên.

Bất cứ học phần nào có thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Những sinh viên không tham dự đủ các bài thực hành thì không được thi lý thuyết; sinh viên phải tự liên hệ với Khoa/Bộ môn quản lý môn học để được thực tập bù.

2. Đánh giá học phần lâm sàng:

a) Học phần thực hành lâm sàng (tại Bệnh viện): Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học lâm sàng.

b) Điều kiện thi kết thúc học phần lâm sàng

- Trước khi kết thúc đợt học lâm sàng, căn cứ vào thái độ học tập của sinh viên trong quá trình học tập lâm sàng, trực, thực hiện đầy đủ các bài tập được giao, giáo vụ khoa lâm sàng lập danh sách sinh viên đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần thực tập lâm sàng gửi về các Khoa/Bộ môn và Phòng QLĐT.

- Sinh viên sẽ không được dự thi kết thúc học phần lâm sàng và phải học lại lâm sàng nếu:

- + Ý thức học tập kém, không chấp hành các quy định trong học lâm sàng (có đề nghị của giảng viên lâm sàng).

- + Nghỉ trực lâm sàng không lý do.

- + Sinh viên nghỉ học quá thời gian quy định: quá 1 buổi đối với thời gian thực tập từ 3 – 4 tuần/vòng lâm sàng; quá 2 buổi đối với thời gian thực tập trên 4 tuần đến 8 tuần/vòng lâm sàng; quá 3 buổi đối với thời gian thực tập trên 8 tuần/vòng lâm sàng.

- + Không hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng bắt buộc, không hoàn thành các nhiệm vụ giảng viên lâm sàng giao hàng tuần.

c) Đối với sinh viên nghỉ học lâm sàng sẽ phải làm đơn gửi phòng QLĐT, có chữ ký xác nhận của giảng viên phụ trách, Khoa/BM quản lý cho phép học bù đủ số buổi nghỉ lâm sàng, mới được dự thi hết học phần và phải đóng phí học bù theo quy định; Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

d) Nghỉ trực có lý do phải đổi trực cho sinh viên khác; Sinh viên đổi trực phải được sự đồng ý của giảng viên và thông báo cho Khoa.

e) Điểm học phần thực tập lâm sàng gồm các điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	- Đủ thời gian (học, trực), đúng giờ, ý thức tự giác, chấp hành nghiêm túc sự phân công. - Làm đủ bài tập, báo cáo học tập nộp theo quy định, ... - Tôn trọng giảng viên, cán bộ, nhân viên y tế, người bệnh và gia đình người bệnh. - Thể hiện giao tiếp phù hợp trong từng tình huống/ hoàn cảnh cụ thể. - Đoàn kết, hợp tác giúp bạn trong học tập.	5,0%
2	Điểm chỉ tiêu tay nghề, điểm thường xuyên	- Đủ các chỉ tiêu: Sinh viên ghi trong sổ lâm sàng, cán bộ hướng dẫn thực hiện kỹ thuật đó ký xác nhận. - Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học lâm sàng	25 %
3	Điểm thi kết thúc	- Thực hiện kỹ thuật, thủ thuật - Lập 01 kế hoạch chăm sóc (đối với điều dưỡng), thực hiện một quy trình kỹ thuật, hoặc bệnh án (đối với ngành khác) - Trả lời câu hỏi giảng viên yêu cầu	70 %

Trường hợp thi lâm sàng chưa đạt, sinh viên phải học lại lâm sàng 1 tuần đối với học phần có < 3 tín chỉ, hoặc 2 tuần với học phần ≥ 3 tín chỉ.

3. Học phần thực hành tại cộng đồng: Căn cứ vào kế hoạch thực tập cộng đồng của từng khóa học, Khoa/ BM phụ trách đề xuất cách đánh giá học phần và trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi đưa sinh viên đi thực tập ít nhất 2 tuần.

4. Cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần phải được quy định trong đề cương chi tiết học phần. Những học phần có cách đánh giá học phần khác với quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 của điều này phải trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện.

5. Điểm của học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điều 13. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

1. Sinh viên được dự thi kết thúc học phần ở lần thứ nhất chỉ khi đạt các quy định được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần đã được Hiệu trưởng phê duyệt và thực hiện nghĩa vụ đóng học phí đúng quy định.

2. Sinh viên có đủ điều kiện thi kết thúc học phần phải dự thi theo đúng kế hoạch do Nhà trường quy định.

- Sinh viên vắng mặt không có lý do chính đáng trong kỳ thi kết thúc học phần của môn nào phải nhận điểm 0 cho môn thi đó.

- Sinh viên vắng mặt môn thi có lý do chính đáng (trên cơ sở đề nghị của sinh viên, có xác nhận của cố vấn học tập, Khoa/Bộ môn và Trường phòng quản lý đào tạo, được bố trí dự thi ở đợt thi tiếp theo.

Điều 14. Thi lại, học lại

1. Điều kiện sinh viên phải thi lại với học phần bắt buộc:

a) Sinh viên có điểm trung bình trung học phần (TBTHP) dưới 5.

b) Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành thì sinh viên có điểm thi nào bị điểm dưới 5 thì chỉ phải thi lại nội dung đó (*lý thuyết hoặc thực hành*).

2. Điều kiện sinh viên phải học lại:

- Sinh viên thuộc diện Điều 14, mục 1a sau khi thi lại, điểm vẫn dưới 5.

- Sinh viên thuộc diện Điều 14, mục 1b sau khi thi lại, điểm thi lý thuyết hoặc thực hành vẫn bị dưới 5.

3. Sinh viên có điểm TBTHP với học phần tự chọn bị điểm dưới 5 có thể áp dụng theo đúng quy định tại khoản 1,2 Điều này hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

4. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học cải thiện điểm trung bình chung tích lũy theo quy định của Hiệu trưởng.

Điều này sẽ được thể hiện rõ trong văn bản riêng quy định học lại và học cải thiện điểm của Trường.

Điều 15. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần cũng tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân.

a) Loại đạt:

9 đến 10

Xuất sắc

Từ 8 đến cận 9

Giỏi

Từ 7 đến cận 8

Khá

Từ 6 đến cận 7

Trung bình khá

Từ 5 đến cận 6

Trung bình

b) Loại không đạt

Từ 4 đến cận 5

Yếu

Dưới 4

Kém

Nếu chuyển thành điểm chữ, có kết quả như sau:

a) Loại đạt	A (8,5 – 10)	Giỏi
	B ⁺ (8,0 – 8,4); B (7 – 7,9)	Khá
	C ⁺ (6,5 – 6,9); C (5,5 – 6,4)	Trung bình
	D ⁺ (5,0 – 5,4); D (4,0 – 4,9)	Trung bình yếu
b) Loại không đạt	F (dưới 4,0)	Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

3. Việc xếp loại các mức điểm số từ 0 đến 10 hoặc mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ điểm I (chưa đủ dữ liệu đánh giá), sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X (chưa nhận được kết quả thi).

4. Việc xếp loại ở mức điểm dưới 5 (hoặc mức điểm F) ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm 0.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn: nếu không thể dự kiểm tra phải được Trưởng khoa hoặc Trưởng Bộ môn trực thuộc trường cho phép; nếu không thể dự thi phải được Trưởng phòng quản lý đào tạo cho phép.

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận vì lý do khách quan được Trưởng khoa hoặc Trưởng bộ môn trực thuộc trường chấp thuận; sinh viên không thể dự thi vì lý do khách quan được Trưởng phòng quản lý đào tạo chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển thành điểm số. Nếu không hoàn thành sinh viên phải nhận điểm 0 đối với các điểm đánh giá bộ phận còn thiếu. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng QLĐT của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa/bộ môn chuyển lên. Điểm này cần phải được chuyển thành điểm số trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Cách tính điểm trung bình chung

1. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung của các học phần tính từ đầu khóa học, điểm trung bình chung toàn khóa học (điểm trung bình chung tích lũy) được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, tạm ngừng học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Điều 17. Điều kiện để sinh viên được học tiếp, bị buộc thôi học, tạm ngừng học, nghỉ học tạm thời

1. Trước khi vào năm học mới, nhà trường căn cứ vào số học phần đã học, điểm trung bình chung học tập của các năm học đã qua và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học để xét việc học tiếp, tạm ngừng học, nghỉ học tạm thời hoặc bị buộc thôi học của sinh viên.

2. Sinh viên được học tiếp năm học sau nếu có đủ điều kiện sau đây:

a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học đạt từ 5,00 trở lên;

b) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm dưới 5 (hoặc điểm F) còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét không vượt quá 15 tín chỉ.

Nếu còn những học phần có điểm dưới 5, sinh viên phải học lại hoặc phải thi trả nợ để đạt yêu cầu.

3. Sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học dưới 3,50;

b) Có điểm trung bình chung học tập tất cả các học phần tính từ đầu khóa học dưới 4,0 sau hai năm học, dưới 4,50 sau ba năm học;

c) Không thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi học hộ, thi hộ hoặc nhờ người học hộ, thi hộ theo quy định tại khoản 2, điều 25.

Chậm nhất một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường sẽ gửi thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú hoặc về nơi công tác của sinh viên.

4. Sinh viên không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, 3 của Điều này phải tạm ngừng học để có thời gian củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập. Thời gian tạm ngừng học được quy định như sau:

a) Sinh viên không thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo được ngừng tối đa không quá 01 năm cho toàn khóa học.

b) Trong thời gian tạm ngừng học, sinh viên phải đăng ký học lại các học phần chưa đạt. Phòng QLĐT xem xét, bố trí cho các sinh viên này được học một số học phần của năm tiếp theo (nếu sinh viên có đề nghị);

5. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng (qua Khoa/Bộ môn quản lý sinh viên đang học, Phòng QLĐT, Phòng CTQLSV) xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học (nếu khóa học tiếp theo Nhà trường có tuyển sinh đúng chuyên ngành sinh viên đang theo học hoặc xét đến thời điểm kết thúc thời gian bảo lưu vẫn có khóa học đúng chuyên ngành của sinh viên đang được đào tạo tương ứng với tiến trình tại thời điểm sinh viên bảo lưu) trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Khoản 3, Điều 17 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 5,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng (qua Phòng QLĐT) ít nhất 01 tuần trước khi bắt đầu năm học mới hoặc học kỳ mới.

Điều 18. Ưu tiên trong đào tạo

Sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy hiện hành được cộng thêm thời gian tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập. Thời gian tạm ngừng học tối đa không quá 3 năm cho toàn khóa học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng.

Điều 19. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, bản thân chuyển địa điểm làm việc hoặc có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường để có điều kiện học tập;

b) Trường xin chuyển đến có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

b) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

c) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

THỰC HIỆN HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 20. Một số quy định về học phần thực tập tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá học, nhà trường tổ chức một đợt xét giao thực hiện học phần thực tập tốt nghiệp cho sinh viên đạt các điều kiện quy định tại điều 21, quy chế này. Thời gian cụ thể được công bố trên kế hoạch đào tạo chung của Nhà trường.

2. Thực tập tốt nghiệp là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo, có số tín chỉ theo chương trình đào tạo được phê duyệt.

3. Thời gian thực hiện học phần thực tập tốt nghiệp theo kế hoạch của Phòng Quản lý đào tạo xây dựng, đảm bảo phù hợp với số tín chỉ của học phần theo chương trình đào tạo được phê duyệt.

4. Các hình thức thực hiện học phần thực tập tốt nghiệp

a) Sinh viên phải đảm bảo đủ thời gian thực tập tốt nghiệp, thực hiện đầy đủ các nội dung, chỉ tiêu tay nghề đã được giao trong thời gian thực tập tại cơ sở thực tế.

b) Viết thu hoạch thực tập tốt nghiệp;

c) Thi thực hành tay nghề học phần tốt nghiệp (Hàng năm, Hiệu trưởng sẽ quyết định nội dung thi thực hành tay nghề).

5. Quy định về kết quả đánh giá học phần thực tập tốt nghiệp

Điểm học phần thực tập tốt nghiệp là điểm trung bình chung của hai phần: Điểm kết thúc phần học tại cơ sở thực tập tốt nghiệp và điểm thi thực hành tay nghề ở trường.

Điểm học phần thực tập tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung học tập của toàn khoá học để xếp loại tốt nghiệp.

Điều 21. Điều kiện thực hiện học phần thực tập tốt nghiệp

Tại thời điểm xét giao thực hiện học phần thực tập tốt nghiệp, sinh viên phải đủ các điều kiện sau:

1. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

2. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại điều 2 của Quy chế này; không có học phần bị điểm dưới 5;

3. Điểm trung bình chung tích lũy theo thang điểm 10 đạt từ 5,0 trở lên.

4. Sinh viên khóa học trước hoặc khóa học sau, khi có đủ điều kiện thực tập tốt nghiệp phải làm đơn xin thực tập tốt nghiệp gửi Phòng QLĐT chậm nhất 01 tuần trước khi đi thực tập tốt nghiệp.

Điều 22. Điều kiện xét tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại điều 2 của Quy chế này; không có học phần bị điểm dưới 5,0;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;

d) Có đơn gửi Phòng QLĐT đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

a) Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng quản lý đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng Khoa chuyên môn, Trưởng phòng CTQLSV.

b) Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 23. Cấp bằng tốt nghiệp, xếp hạng tốt nghiệp

1. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng theo đúng quy định hiện hành về quản lý văn bằng, chứng chỉ. Bằng tốt nghiệp cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính, bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung theo quy định.

2. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 9,00 đến 10;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 8,00 đến 8,99;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 7,00 đến 7,99;

d) Loại trung bình khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 6,00 đến 6,99

đ) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 5,00 đến 5,99.

3. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có thời gian học chính thức tại trường vượt quá thời gian quy định cho chương trình đào tạo;

b) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

c) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo từng học phần và ghi chuyên ngành đào tạo (nếu có).

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh cao đẳng.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở những quy định của quy chế này, Phòng quản lý đào tạo phối hợp với các Khoa, Bộ môn xây dựng quy định cụ thể về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho hệ Cao đẳng liên thông vừa làm vừa học trình Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường thẩm định và trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

2. Định kỳ Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, bổ sung và chỉnh sửa chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường.

3. Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung điều chỉnh định kỳ cho phù hợp với tình hình thực tế. Mọi sự thay đổi phải được Hiệu trưởng quyết định, thông báo bằng văn bản tới các đơn vị và công bố công khai trên cổng thông tin của Trường.

Những quy định trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện có điều gì vướng mắc, các đơn vị và cá nhân liên quan phản ánh trực tiếp với lãnh đạo Trường để xử lý kịp thời.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Thị Diệu Hằng¹⁴